TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ K VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:195/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Ngọc.

Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Danh K.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị Lê Thị L và anh Danh K kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không phù hợp. Chị L và anh K đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng

đến mức không thể hàn gắn được nữa nên chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 03 con chung gồm

1. Danh Thị Chúc N, giới tính nữ, sinh ngày 01/5/2003;

2. Danh Thanh V, giới tính nam, sinh ngày 04/3/2005;

3. Danh T, giới tính nam, sinh ngày 03/4/2007.

Từ lúc chị L và anh K ly thân cho đến nay các cháu luôn sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Danh K, tính từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử anh K không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về đối với vụ án nên Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh K. Đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Đối với anh Danh K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Danh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Danh K tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào ngày 18/4/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là hợp pháp. Về yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, chị L và anh K thường xuyên xảy ra cãi vã nguyên nhân do tính cách vợ chồng không phù hợp làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị L đã ly thân với anh K từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy, chị L và anh K đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng đã không còn sống chung, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc được ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh K có 03 con chung tên Danh Thị Chúc N, giới tính nữ, sinh ngày 01/5/2003; Danh Thanh V, giới tính nam, sinh ngày 04/3/2005 và Danh T, giới tính nam, sinh ngày 03/4/2007. Từ lúc chị L và anh K ly thân cho đến nay các con chung luôn sống chung với chị L và luôn được chị L chăm sóc, giáo dục và cho ăn học. Ngoài ra, chị L hiện tại có việc làm và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng 03 con chung. Sau khi cân nhắc việc đảm bảo tốt nhất quyền lợi của các cháu sau khi cha mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và điều kiện chăm sóc, giáo dục, cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao 03 con chung cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét hai vấn đề này.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 và Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L. Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Danh K.

2. Chị Lê Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Danh Thị Chúc N, giới tính nữ, sinh ngày 01/5/2003; Danh Thanh V, giới tính nam, sinh ngày 04/3/2005 và Danh T, giới tính nam, sinh ngày 03/4/2007. Anh Danh K chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị L chưa yêu cầu.

Anh Danh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Chị Lê Thị L phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị L được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tiền số 0020351 ngày 23/5/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Chị L không phải nộp thêm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tòa án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- UBND phường V, TP Vị Thanh
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Thị Trinh